

Số: 02/TB-HĐTS ĐHCQ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

## THÔNG BÁO

(Về việc ưu tiên xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2024 theo quy định của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Phương thức xét tuyển 2)

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-KHTN ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2024;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM (sau đây gọi tắt là Trường ĐH KHTN hoặc Trường) thông báo về việc ưu tiên xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2024 của Trường theo quy định của ĐHQG-HCM như sau:

### I. ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THẲNG

**1. Đối tượng ưu tiên xét tuyển thẳng (UTXTT):** Là học sinh thuộc nhóm 05 học sinh của các trường đào tạo chương trình giáo dục trung học phổ thông chính quy (trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT, trường THPT, sau đây gọi chung là trường THPT) có điểm trung bình cộng học lực 3 năm học lớp 10, 11 và 12 cao nhất Trường THPT và được Hiệu trưởng giới thiệu (hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền giới thiệu), đồng thời phải thỏa các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp THPT năm 2024.
- Đạt học lực giỏi và hạnh kiểm tốt trong 3 năm học lớp 10, 11 và 12.
- Chỉ áp dụng một lần vào năm học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024.

### 2. Chỉ tiêu và số lượng nguyện vọng đăng ký UTXTT

a) Chỉ tiêu: từ 1% - 5% trên tổng chỉ tiêu dự kiến theo ngành/nhóm ngành tại Phụ lục 2.3. Tổng chỉ tiêu của ngành/nhóm ngành đối với các phương thức xét tuyển năm 2024 sẽ được Trường cập nhật/điều chỉnh sau khi có văn bản cho phép từ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển:

- Các thí sinh được đăng ký UTXTT tối đa 03 nguyện vọng vào các nhóm ngành/ngành của Trường ĐH KHTN (thí sinh chỉ được nộp cho duy nhất 01 Trường hoặc 01 đơn vị là thành viên của ĐHQG-HCM).

- Các nguyện vọng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

### 3. Hướng dẫn cách thức đăng ký UTXTT:

a) **Bước 1:** Truy cập trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM để điền thông tin đăng ký UTXTT địa chỉ đường link: [tuyensinh.vnuhcm.edu.vn](http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn) (tham khảo trước mẫu phiếu đăng ký tại **Phụ lục 2.1**).

b) **Bước 2:** Sau khi đăng ký thành công, thí sinh in phiếu đăng ký UTXTT, dán ảnh thẻ 4x6 mới nhất trong vòng 6 tháng, ký tên và làm thủ tục xin Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng trường THPT xác nhận các thông tin của thí sinh đã khai trên phiếu đăng ký đồng thời việc giới thiệu phải đảm bảo thí sinh thuộc đúng đối tượng tại khoản 1 mục I thông báo này.

c) **Bước 3:** Nộp bộ hồ sơ đăng ký UTXTT cho Trường ĐH KHTN theo quy định tại thông báo này.

### 4. Hồ sơ đăng ký và lệ phí xét tuyển

a) Phiếu đăng ký xét tuyển có giới thiệu và xác nhận của Hiệu trưởng trường THPT về việc đảm bảo các tiêu chí với nguyên tắc chỉ giới thiệu 01 học sinh thuộc nhóm 05 học sinh có điểm trung bình cộng học lực 3 năm học lớp 10, 11 và 12 cao nhất trường THPT. Phiếu này được hoàn thành và in từ hệ thống đăng ký tại **mục 3**.

b) Bản sao học bạ THPT có đủ 06 học kỳ có công chứng (hoặc bản sao học bạ THPT có xác nhận của trường THPT)

c) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (nếu có).

d) Bài luận viết tay của thí sinh về nguyện vọng xét tuyển vào ngành/nhóm ngành thí sinh đăng ký.

e) Lệ phí xét tuyển: 25.000đ/nguyện vọng.

### 5. Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển, phương thức nộp hồ sơ

a) Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển: Từ ngày **15/5/2024** đến ngày **15/6/2024**.

b) Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo hai phương thức như sau:

• **Nộp trực tiếp:** Thí sinh nộp trực tiếp hồ sơ và lệ phí tại Trường ĐH KHTN theo địa chỉ: số 227 Nguyễn Văn Cừ, P4, Q.5, TP.HCM – Phòng Đào tạo (trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30).

• **Nộp qua đường bưu điện chuyển phát nhanh:**

✓ **Hồ sơ:** Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện chuyển phát nhanh theo địa chỉ: Trường ĐH KHTN, Phòng Đào tạo, số 227 Nguyễn Văn Cừ, P4, Q.5, TP.HCM. Trường chỉ nhận hồ sơ trong thời gian quy định căn cứ vào dấu xác nhận ngày gửi hồ sơ của Bưu điện. Trường sẽ hậu kiểm lại hồ sơ khi thí sinh làm thủ tục nhập học, khuyến nghị thí sinh nộp trước ngày **12/06/2024** để thuận lợi trong việc xử lý hồ sơ.

✓ **Lệ phí:** Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện sẽ nộp lệ phí bằng cách chuyển khoản ngân hàng theo hướng dẫn như sau:

✚ Tên tài khoản ngân hàng (viết đầy đủ): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

✚ Số tài khoản: 638 020 101 7313, ngân hàng Agribank, chi nhánh Bình Thạnh.

✚ Nội dung chuyển tiền: Thí sinh ghi đúng thứ tự như sau: Số căn cước công dân/Số chứng minh nhân dân Họ và tên XT PT2 (Ví dụ: 012345678999 Nguyễn Văn A XT PT2).

## 6. Tiêu chí xét tuyển

- Điểm xét tuyển là điểm trung bình cộng học lực 3 năm học lớp 10, 11 và 12 của các thí sinh.

- Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm xét tuyển trong khi số lượng thí sinh vượt quá chỉ tiêu, tiêu chí phụ sẽ được xem xét là giải thưởng học sinh giỏi/khoa học kỹ thuật cấp quốc gia/tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương theo thứ tự đoạt giải từ cao xuống thấp và chỉ xét các các giải gồm: giải Nhất, giải Nhì, hoặc giải Ba. Thí sinh chọn nộp giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT như trên.

**7. Ngành được ưu tiên xét tuyển thẳng:** Hội đồng tuyển sinh Trường ĐH KHTN quyết định ngành được ưu tiên xét tuyển thẳng cho thí sinh căn cứ vào nguyện vọng của thí sinh và số lượng chỉ tiêu xét tuyển từng ngành.

## II. ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

### 1. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (UTXT):

Thí sinh thuộc đối tượng là học sinh của các trường THPT chuyên, năng khiếu các trường đại học, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trên toàn quốc hoặc là học sinh của các trường THPT theo tiêu chí được ĐHQG-HCM quy định năm 2024 (theo danh sách **phụ lục 2.2** đính kèm) đồng thời các đối tượng này phải thỏa cả 3 điều kiện tại các điểm a, b và c như sau:

a) Tốt nghiệp THPT năm 2024 và chỉ áp dụng một lần vào năm học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024;

b) Hạnh kiểm tốt trong 03 năm lớp 10, 11 và 12;

c) Đạt kết quả xếp loại học sinh giỏi 03 năm học lớp 10, 11 và 12; nếu thí sinh đạt kết quả xếp loại học tập từ loại khá trở lên trong 03 năm lớp 10, 11 và 12 thì phải có thêm 01 trong 03 điều kiện như sau:

i) Là thành viên đội tuyển của Trường hoặc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương được cử tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia hay cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia (lưu ý thành viên của Trường tham gia cuộc thi học sinh giỏi hay cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương không được tính trong trường hợp này);

ii) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương đối với các môn trong tổ hợp xét tuyển của ngành thí sinh đăng ký, hay đạt huy chương Vàng, Bạc trong Kỳ thi Olympic 30/4;

iii) Đạt giải Vô địch, nhất, nhì, ba, khuyến khích kỳ thi ICPC Trung học Phổ thông quốc gia chỉ khi đăng ký vào các ngành/nhóm ngành sau: 7480101\_TT - Khoa học máy tính (CT Tiên tiến) ; 7480201\_DKD - Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh); 7480201\_NN - Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin; 7460101\_NN Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin; 7460108 - Khoa học Dữ liệu; 7480107 – Trí tuệ nhân tạo; 7440102\_NN Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn; 7440102\_DKD Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh); 7520207\_DKD Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh); 7520207\_NN Nhóm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thiết kế vi mạch (dự kiến).

## 2. Chỉ tiêu và số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển

a) Chỉ tiêu:

- Tối đa 20% trên tổng chỉ tiêu dự kiến theo ngành/nhóm ngành tại **Phụ lục 2.3**. Tổng chỉ tiêu của ngành/nhóm ngành đối với các phương thức xét tuyển năm 2024 sẽ được Trường cập nhật/điều chỉnh sau khi có văn bản cho phép từ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trong năm đầu tiên Ngành Thiết kế vi mạch chỉ tiêu là 60; Ngành Công nghệ bán dẫn chỉ tiêu là 50; Ngành Khoa học quản lý và kinh tế đất đai chỉ tiêu là 60.

b) Số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển:

- Không giới hạn số nguyện vọng đăng ký vào các ngành/nhóm ngành của Trường ĐH KHTN (*xem Danh mục ngành đào tạo tại Phụ lục 2.3*).

- Nếu thí sinh đăng ký nhiều hơn hai nguyện vọng vào các ngành/nhóm ngành của Trường ĐH KHTN thì các nguyện vọng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Ngoài ra, thứ tự ưu tiên nguyện

vọng từ cao xuống thấp cũng được tính đến nếu thí sinh đăng ký nhiều trường thuộc ĐHQG-HCM.

### 3. Hướng dẫn cách thức đăng ký UTXT:

- **Bước 1:** Truy cập trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM để điền thông tin đăng ký UTXT địa chỉ đường link: [tuyensinh.vnuhcm.edu.vn/tuyensinh](http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn/tuyensinh) (tham khảo trước mẫu phiếu đăng ký tại **Phụ lục 2.4**).

- **Bước 2:** Sau khi đăng ký thành công, thí sinh in phiếu đăng ký UTXT, dán ảnh thẻ 4x6 mới nhất trong vòng 6 tháng, ký tên và đề nghị Trường THPT xác nhận các thông tin của thí sinh đã khai trên phiếu đăng ký.

- **Bước 3:** Nộp bộ hồ sơ đăng ký UTXT cho Trường ĐH KHTN theo quy định tại thông báo này.

### 4. Hồ sơ đăng ký UTXT và lệ phí xét tuyển

a) Phiếu đăng ký UTXT được in từ hệ thống đăng ký UTXT và hoàn thành tại bước 1 và bước 2 **mục 3** (\*);

b) Một bài luận được viết tay trên giấy A4, trình bày lý do muốn học tại trường, mối quan tâm đến ngành học, mục tiêu học tập, nghề nghiệp, đóng góp cho xã hội của bản thân;

c) Bản sao có công chứng học bạ 3 năm trung học phổ thông đủ 06 học kỳ (hoặc có xác nhận của trường THPT).

d) Giấy chứng nhận của Hiệu trưởng nếu học sinh là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia (nếu có);

e) Bản sao có công chứng các thành tích đạt được có liên quan đến cộng đồng ưu tiên tại **mục 6** (nếu có);

f) Lệ phí xét tuyển: 25.000đ/nguyên vọng.

(\* Lưu ý: Thí sinh in số phiếu ĐK UTXT tương ứng với số lượng trường thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển.

### 5. Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển, phương thức nộp hồ sơ

a) Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển: Từ ngày **15/5/2024** đến ngày **15/6/2024**.

b) Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo hai phương thức như sau:

- **Nộp trực tiếp:** Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí trực tiếp tại Trường ĐH KHTN theo địa chỉ: Phòng Đào tạo - số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP.HCM (trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, buổi sáng từ 8giờ00 đến 11giờ00, buổi chiều từ 13giờ30 đến 16giờ30).



• **Nộp qua đường bưu điện chuyển phát nhanh:**

✓ Hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện chuyển phát nhanh theo địa chỉ: Trường ĐH KHTN, Phòng Đào tạo, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP.HCM. Trường chỉ nhận hồ sơ trong thời gian quy định căn cứ vào dấu xác nhận ngày gửi hồ sơ của Bưu điện. Trường sẽ hậu kiểm lại hồ sơ khi thí sinh làm thủ tục nhập học. Lưu ý thí sinh không để lệ phí xét tuyển vào hồ sơ.

✓ Lệ phí: Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện sẽ nộp lệ phí bằng cách chuyển khoản ngân hàng theo hướng dẫn như sau:

✚ Tên tài khoản ngân hàng (viết đầy đủ): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

✚ Số tài khoản: 638 020 101 7313, ngân hàng Agribank, chi nhánh Bình Thạnh.

✚ Nội dung chuyển tiền: Thí sinh ghi đúng thứ tự như sau: Số căn cước công dân/Số chứng minh nhân dân Họ và tên LPXT PT2 (Ví dụ: 012345678999 Nguyễn Văn A LPXT PT2).

**6. Tiêu chí xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:**

- Điểm xét tuyển là điểm trung bình cộng của điểm trung bình các môn học tại các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển của từng ngành do thí sinh đăng ký cộng với điểm ưu tiên xét tuyển (nếu có) được lấy từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức như sau:

$$\text{ĐXT} = \frac{\text{Tổng điểm 3 năm môn 1} + \text{Tổng điểm 3 năm môn 2} + \text{Tổng điểm 3 năm môn 3}}{9} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Trong đó, “tổng điểm 3 năm” là tổng cộng điểm trung bình tại các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của các môn tương ứng trong tổ hợp môn xét tuyển. Thí sinh xem bảng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng với ngành/nhóm ngành tại **phụ lục 2.3**.

- Điểm ưu tiên xét tuyển được quy định tính theo công thức như sau:

• Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia đối với các môn có trong tổ hợp tuyển sinh của ngành đăng ký xét tuyển (xem bảng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng với ngành/nhóm ngành tại **phụ lục 2.3**) hoặc có nội dung môn thi thuộc ngành đúng/ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển tại **phụ lục 2.5**: được cộng **0.5** điểm.

• Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành đúng/ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển: được cộng **0.5** điểm.

• Thí sinh đoạt giải Vô địch trong cuộc thi lập trình ICPC Trung học Phổ thông Quốc gia khi đăng ký xét tuyển vào các ngành/nhóm ngành sau: 7480101\_TT - Khoa học máy tính

(CT Tiên tiến) ; 7480201\_DKD - Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh); 7480201\_NN - Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin; 7460101\_NN Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin; 7480109 Khoa học Dữ liệu; 7480107 – Trí tuệ nhân tạo; 7440102\_NN Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn; 7440102\_DKD Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh); 7520207\_DKD Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh); 7520207\_NN Nhóm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thiết kế vi mạch (dự kiến): được cộng **0.5** điểm.

- Thí sinh đoạt giải nhất và giải nhì trong cuộc thi lập trình ICPC Trung học Phổ thông Quốc gia khi đăng ký xét tuyển vào các ngành/nhóm ngành sau: 7480101\_TT - Khoa học máy tính (CT Tiên tiến) ; 7480201\_DKD - Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh); 7480201\_NN - Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin; 7460101\_NN Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin; 7480109 Khoa học Dữ liệu; 7480107 – Trí tuệ nhân tạo; 7440102\_NN Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn; 7440102\_DKD Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh); 7520207\_DKD Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh); 7520207\_NN Nhóm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thiết kế vi mạch (dự kiến): được cộng **0.4** điểm.

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia đối với các môn có trong tổ hợp tuyển sinh của ngành đăng ký xét tuyển (xem bảng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng với ngành/nhóm ngành tại **phụ lục 2.3**) hoặc có nội dung môn thi thuộc ngành đúng/ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển tại **phụ lục 2.5**: được cộng **0.4** điểm.

- Thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành đúng/ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển: được cộng **0.4** điểm.

- Thí sinh thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đoạt giải nhất, nhì đối với các môn có trong tổ hợp tuyển sinh của ngành đăng ký xét tuyển (xem bảng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng với ngành/nhóm ngành tại **phụ lục 2.3** hoặc có nội dung môn thi thuộc ngành đúng/ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển tại **phụ lục 2.5**: được cộng **0.3** điểm.

- Thí sinh dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đoạt giải nhất, nhì trong hệ thống tuyển chọn cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia có nội dung cuộc thi thuộc ngành đúng/ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển: được cộng **0.3** điểm.

- Thí sinh đoạt giải ba và giải khuyến khích trong cuộc thi lập trình ICPC Trung học Phổ thông Quốc gia khi đăng ký xét tuyển vào các ngành/nhóm ngành sau: 7480101\_TT - Khoa học máy tính (CT Tiên tiến) ; 7480201\_DKD - Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh); 7480201\_NN - Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin; 7460101\_NN Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin; 7480109 Khoa học Dữ liệu; 7480107 – Trí tuệ nhân tạo; 7440102\_NN Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn; 7440102\_DKD Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh);



7520207\_DKD Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh);  
7520207\_NN Nhóm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thiết kế vi mạch (dự kiến): được cộng **0.3** điểm.

- Thí sinh đạt huy chương Vàng, Bạc trong Kỳ thi Olympic 30/4 có nội dung môn thi thuộc ngành / ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển: được cộng **0.2** điểm.

- Thí sinh là học sinh trường chuyên/năng khiếu trong ba năm lớp 10, 11, 12 thuộc các trường chuyên/năng khiếu trong danh sách các trường UTXT của ĐHQG: được cộng **0.2** điểm.

- Trường hợp thí sinh thỏa nhiều điều kiện ưu tiên, thí sinh chỉ được cộng một loại điểm ưu tiên cao nhất.

- Khi các thí sinh có điểm bằng nhau trong khi số lượng thí sinh vượt chỉ tiêu thì tiêu chí phụ sẽ dựa trên chất lượng của bài luận của thí sinh.

- Điểm ưu tiên cao nhất thí sinh được cộng vào điểm xét tuyển sao cho tổng điểm xét tuyển của thí sinh tối đa là 10 điểm.

**7. Ngành được ưu tiên xét tuyển:** Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Trường ĐH KHTN quyết định ngành được ưu tiên xét tuyển cho thí sinh căn cứ vào nguyện vọng của thí sinh, điều kiện và tiêu chí xét tuyển.

### III. CÔNG BỐ KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN

1. Công bố kết quả thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển: Dự kiến trước **17 giờ 00** ngày **29/6/2024**, Trường sẽ công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện được ưu tiên xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường theo địa chỉ: <https://www.hcmus.edu.vn>

2. Danh sách đủ điều kiện trúng tuyển sẽ được cập nhật lên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh trúng tuyển theo dõi thông báo của Trường, thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được công nhận trúng tuyển chính thức.

3. Tên phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định đối với phương thức “Ưu tiên xét tuyển thẳng” tại mục I: Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.

4. Tên phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định đối với phương thức “Ưu tiên xét tuyển” tại mục I: Xét kết hợp giữa tuyển thẳng theo Đề án và các phương thức khác.



#### IV. CÁC LƯU Ý CHUNG

1. Thí sinh tìm hiểu và nắm rõ thông tin xét tuyển trong đề án tuyển sinh của Trường và thường xuyên theo dõi các thông báo của Trường để thực hiện đúng các quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình, thủ tục, thời gian và thông tin liên quan đến dự tuyển/xét tuyển. Địa chỉ trang thông tin của Trường: <https://tuyensinh.hcmus.edu.vn>.

2. Thí sinh trúng tuyển phải đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT, xác nhận nhập học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT. Thí sinh tìm hiểu kỹ tài liệu hướng dẫn và phải thực hiện đúng và đầy đủ quy trình đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thí sinh phải nắm rõ tên phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định tương ứng đối với phương thức xét tuyển của Trường để thuận tiện khi ĐKXT và XNNH trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

4. Nếu còn thắc mắc về các nội dung thông báo này, thí sinh gửi câu hỏi qua địa chỉ email: [pdttuyensinh@hcmus.edu.vn](mailto:pdttuyensinh@hcmus.edu.vn) để được giải đáp (trả lời chậm nhất trong vòng 48 tiếng).

**Nơi nhận:**

- ĐHQG- HCM (để báo cáo);
- Như trên (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT



**HIỆU TRƯỞNG**  
Trần Lê Quan



Năm lớp 11:

- Tên trường: .....

--	--	--	--	--	--	--	--

- Xã/phường .....

Mã tỉnh/ Mã  
thành quận/  
phố huyện Mã trường

- Huyện/quận: .....

- Tỉnh/thành phố: .....

Năm lớp 12:

- Tên trường: .....

--	--	--	--	--	--	--	--

- Xã/phường .....

Mã tỉnh/ Mã  
thành quận/  
phố huyện Mã trường

- Huyện/quận: .....

- Tỉnh/thành phố: .....

(Mục 5, mục 6: thông tin theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2024)

7. Đạt danh hiệu học sinh giỏi (đấu X vào ô)

Lớp 10

Lớp 11

Lớp 12

8. Đạt hạnh kiểm

Năm lớp 10	Năm lớp 11	Năm lớp 12

9. Kết quả học THPT (điểm trung bình cả năm của các môn học)

(Thí sinh chỉ cần điền thông tin điểm của các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển theo quy định của ngành/nhóm ngành của đơn vị)

STT	Môn học/các hoạt động giáo dục	Điểm trung bình cả năm		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Toán			
2	Vật lí			
3	Hoá học			
4	Sinh học			
5	Tin học			
6	Ngữ văn			
7	Lịch sử			
8	Địa lý			
9	Ngoại ngữ (tiếng Anh)			
10	Ngoại ngữ khác			
11	Giáo dục Công dân			
12	Công nghệ			
13	Giáo dục Quốc phòng An Ninh			

### 10. Điểm trung bình (ĐTB) các năm

Năm lớp 10	Năm lớp 11	Năm lớp 12	Trung bình cộng (ĐTB lớp 10, ĐTB lớp 11 và ĐTB lớp 12)

### 11. Tham gia kỳ thi học sinh giỏi /khoa học kỹ thuật các cấp

Kỳ thi: ..... Cấp tỉnh/thành phố:  Cấp quốc gia:

Môn thi/lĩnh vực: ..... Năm: ..... Đạt giải: .....

### 12. Thí sinh đạt thành tích trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật

Nội dung: ..... Năm: ..... Đạt giải: .....

### 13. Đăng ký nguyện vọng xét tuyển

Thí sinh đăng ký tối đa 03 nguyện vọng ngành/nhóm ngành vào 01 Trường/Khoa/Phân hiệu (đơn vị) thuộc ĐHQG-HCM (chỉ giới hạn 01 đơn vị), sắp xếp thứ tự nguyện vọng theo mức độ ưu tiên từ 1 đến 3.

Số thứ tự nguyện vọng	Tên đơn vị	Mã tuyển sinh của đơn vị	Mã ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển (nếu có)
1					
2					
3					

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

### 14. Địa chỉ báo tin

.....  
 .....

Điện thoại (Nếu có): ..... Email: .....



Xác nhận của Trường THPT:

Thí sinh..... là học sinh lớp 12 Trường  
 THPT.....

đã khai đúng sự thật. Tôi cam đoan chỉ giới thiệu 01 học sinh như trên  
 là học sinh có hạnh kiểm tốt, đạt học sinh giỏi, tài năng trong 3 năm  
 THPT được tham gia đăng ký ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định  
 ĐHQG-HCM năm 2024. Đồng thời học sinh này thuộc nhóm 05 học  
 sinh cao nhất trường.

Ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Hiệu trưởng**  
 (Ký tên, đóng dấu)

Ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Chữ ký của thí sinh**

**Lưu ý:**

1. Khi nộp hồ sơ, thí sinh cần nộp kèm:
  - a) Bản sao có công chứng học bạ 3 năm trung học phổ thông (hoặc có xác nhận của trường THPT).
  - b) Giấy chứng nhận của Hiệu trưởng nếu học sinh là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia (nếu có);
  - c) Bản sao có công chứng các chứng chỉ, chứng nhận thành tích đạt được có liên quan đến xét tuyển (nếu có);
2. Nguyên tắc: Chỉ giới thiệu 01 học sinh giỏi, tài năng của trường THPT.
3. Tiêu chí ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi, tài năng của trường THPT 2024 (theo quy định ĐHQG-HCM):
  - a) Đảm bảo cả 02 tiêu chí chính như sau:
    - Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
    - Điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT thuộc nhóm 05 học sinh cao nhất trường.
  - b) Các tiêu chí kết hợp theo quy định của cơ sở đào tạo gồm: Đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT); Đạt các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế; Đạt giải thưởng trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật (nếu có)....
4. Nếu Ban Giám hiệu giới thiệu nhiều hơn 01 học sinh Trường THPT thì đồng ý với các hình thức xử lý theo Quy chế tuyển sinh của ĐHQG-HCM năm 2024.

**Phụ lục 2.2**  
**DANH SÁCH 149 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**THUỘC DIỆN ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐHQG-HCM**  
**TUYỂN SINH NĂM 2024**

**1. Danh sách 83 trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu năm 2024**

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
<b>Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học</b>				
1	01	Hà Nội	009	Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	011	Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	01	Hà Nội	013	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4	02	Hồ Chí Minh	019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5	02	Hồ Chí Minh	020	Trường Trung học thực hành, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	29	Nghệ An	007	Trường THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	010	Trường THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	072	Trường THPT Năng khiếu, Trường Đại học Tân Tạo
<b>Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố</b>				
9	01	Hà Nội	010	Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	008	Trường THPT Chu Văn An
12	01	Hà Nội	079	Trường THPT Sơn Tây
13	02	TP. Hồ Chí Minh	016	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	TP. Hồ Chí Minh	004	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	TP. Hồ Chí Minh	055	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền
16	02	TP. Hồ Chí Minh	066	Trường THPT Gia Định
17	03	Hải Phòng	013	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04	Đà Nẵng	005	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	05	Hà Giang	012	Trường THPT chuyên Hà Giang
20	06	Cao Bằng	004	Trường THPT chuyên Cao Bằng



Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
21	07	Lai Châu	001	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	08	Lào Cai	018	Trường THPT chuyên Lào Cai
23	09	Tuyên Quang	009	Trường THPT chuyên Tuyên Quang
24	10	Lạng Sơn	002	Trường THPT chuyên Chu Văn An
25	11	Bắc Kạn	019	Trường THPT chuyên Bắc Kạn
26	12	Thái Nguyên	010	Trường THPT chuyên Thái Nguyên
27	13	Yên Bái	001	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
28	14	Sơn La	004	Trường THPT chuyên Sơn La
29	15	Phú Thọ	001	Trường THPT chuyên Hùng Vương
30	16	Vĩnh Phúc	012	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc
31	17	Quảng Ninh	001	Trường THPT chuyên Hạ Long
32	18	Bắc Giang	012	Trường THPT chuyên Bắc Giang
33	19	Bắc Ninh	009	Trường THPT chuyên Bắc Ninh
34	21	Hải Dương	013	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	22	Hưng Yên	011	Trường THPT chuyên Hưng Yên
36	23	Hòa Bình	012	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	24	Hà Nam	011	Trường THPT chuyên Biên Hòa
38	25	Nam Định	002	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	26	Thái Bình	002	Trường THPT chuyên Thái Bình
40	27	Ninh Bình	011	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	28	Thanh Hóa	010	Trường THPT chuyên Lam Sơn
42	29	Nghệ An	006	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu
43	30	Hà Tĩnh	040	Trường THPT chuyên Hà Tĩnh
44	31	Quảng Bình	004	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
45	32	Quảng Trị	024	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	33	Thừa Thiên - Huế	001	Trường THPT chuyên Quốc Học- Huế
47	34	Quảng Nam	010	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
48	34	Quảng Nam	007	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
49	35	Quảng Ngãi	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết
50	36	Kon Tum	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
51	37	Bình Định	003	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
52	37	Bình Định	081	Trường THPT chuyên Chu Văn An
53	38	Gia Lai	005	Trường THPT chuyên Hùng Vương
54	39	Phú Yên	005	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
55	40	Đắk Lắk	024	Trường THPT chuyên Nguyễn Du
56	41	Khánh Hòa	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
57	42	Lâm Đồng	008	Trường THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt
58	42	Lâm Đồng	093	Trường THPT chuyên Bảo Lộc
59	43	Bình Phước	003	Trường THPT chuyên Quang Trung
60	43	Bình Phước	042	Trường THPT chuyên Bình Long
61	44	Bình Dương	002	Trường THPT chuyên Hùng Vương
62	45	Ninh Thuận	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
63	46	Tây Ninh	003	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha
64	47	Bình Thuận	013	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo
65	48	Đồng Nai	001	Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh
66	49	Long An	060	Trường THPT chuyên Long An
67	50	Đồng Tháp	023	Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
68	50	Đồng Tháp	016	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
69	51	An Giang	002	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
70	51	An Giang	008	Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
71	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
72	53	Tiền Giang	016	Trường THPT chuyên Tiền Giang
73	54	Kiên Giang	002	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
74	55	Cần Thơ	013	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng
75	56	Bến Tre	030	Trường THPT chuyên Bến Tre
76	57	Vĩnh Long	015	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
77	58	Trà Vinh	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
78	59	Sóc Trăng	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
79	60	Bạc Liêu	009	Trường THPT chuyên Bạc Liêu
80	61	Cà Mau	016	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
81	62	Điện Biên	002	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
82	63	Đắk Nông	037	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
83	64	Hậu Giang	039	Trường THPT chuyên Vị Thanh

## 2. Danh sách 66 trường THPT bổ sung năm 2024 (theo tiêu chí của ĐHQG-HCM)

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
1	02	TP. Hồ Chí Minh	001	Trường THPT Trưng Vương



Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
2	02	TP. Hồ Chí Minh	002	Trường THPT Bùi Thị Xuân
3	02	TP. Hồ Chí Minh	009	Trường THPT Lê Quý Đôn
4	02	TP. Hồ Chí Minh	010	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
5	02	TP. Hồ Chí Minh	011	Trường THPT Marie Curie
6	02	TP. Hồ Chí Minh	018	Trường THPT Trần Khai Nguyên
7	02	TP. Hồ Chí Minh	023	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi
8	02	TP. Hồ Chí Minh	040	Trường THPT Nguyễn Khuyến
9	02	TP. Hồ Chí Minh	048	Trường THPT Võ Trường Toản
10	02	TP. Hồ Chí Minh	053	Trường THPT Nguyễn Công Trứ
11	02	TP. Hồ Chí Minh	054	Trường THPT Trần Hưng Đạo
12	02	TP. Hồ Chí Minh	060	Trường THPT Trần Phú
13	02	TP. Hồ Chí Minh	061	Trường THPT Tây Thạnh
14	02	TP. Hồ Chí Minh	063	Trường THPT Võ Thị Sáu
15	02	TP. Hồ Chí Minh	065	Trường THPT Hoàng Hoa Thám
16	02	TP. Hồ Chí Minh	068	Trường THPT Phú Nhuận
17	02	TP. Hồ Chí Minh	070	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân
18	02	TP. Hồ Chí Minh	072	Trường THPT Thủ Đức
19	02	TP. Hồ Chí Minh	094	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu
20	02	TP. Hồ Chí Minh	245	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến
21	04	Đà Nẵng	002	Trường THPT Phan Châu Trinh
22	35	Quảng Ngãi	003	Trường THPT Bình Sơn
23	35	Quảng Ngãi	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
24	35	Quảng Ngãi	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
25	36	Kon Tum	001	Trường THPT Kon Tum
26	37	Bình Định	001	Trường Quốc Học Quy Nhơn
27	39	Phú Yên	001	Trường THPT Nguyễn Huệ
28	39	Phú Yên	008	Trường THPT Lê Hồng Phong
29	40	Đắk Lắk	059	Trường THPT Thực hành Cao Nguyên
30	41	Khánh Hoà	012	Trường THPT Nguyễn Trãi
31	41	Khánh Hoà	015	Trường THPT Lý Tự Trọng
32	42	Lâm Đồng	002	Trường THPT Trần Phú
33	42	Lâm Đồng	003	Trường THPT Bùi Thị Xuân
34	42	Lâm Đồng	018	Trường THPT Đức Trọng

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
35	42	Lâm Đồng	026	Trường THPT Bảo Lộc
36	43	Bình Phước	005	Trường THPT Hùng Vương
37	44	Bình Dương	024	Trường THPT Dĩ An
38	44	Bình Dương	045	Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến
39	46	Tây Ninh	005	Trường THPT Tây Ninh
40	47	Bình Thuận	001	Trường THPT Phan Bội Châu
41	48	Đồng Nai	003	Trường THPT Ngô Quyền
42	48	Đồng Nai	006	Trường THPT Nguyễn Trãi
43	48	Đồng Nai	007	Trường THPT Lê Hồng Phong
44	48	Đồng Nai	011	Trường THPT Thống Nhất A
45	48	Đồng Nai	016	Trường THPT Long Khánh
46	48	Đồng Nai	021	Trường THPT Xuân Lộc
47	48	Đồng Nai	023	Trường THPT Long Thành
48	48	Đồng Nai	053	Trường THPT Trần Biên
49	49	Long An	002	Trường THPT Tân An
50	49	Long An	006	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ
51	50	Đồng Tháp	009	Trường THPT Lấp Vò 1
52	51	An Giang	001	Trường THPT Long Xuyên
53	51	An Giang	016	Trường THPT Chu Văn An
54	51	An Giang	030	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh
55	51	An Giang	031	Trường THPT Châu Văn Liêm
56	51	An Giang	037	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
57	52	Bà Rịa-Vũng Tàu	001	Trường THPT Vũng Tàu
58	53	Tiền Giang	001	Trường THPT Cái Bè
59	53	Tiền Giang	006	Trường THPT Đốc Binh Kiều
60	53	Tiền Giang	015	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
61	53	Tiền Giang	019	Trường THPT Chợ Gạo
62	53	Tiền Giang	022	Trường THPT Vĩnh Bình
63	53	Tiền Giang	025	Trường THPT Trương Định
64	56	Bến Tre	002	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
65	56	Bến Tre	020	Trường THPT Phan Thanh Giản
66	57	Vĩnh Long	001	Trường THPT Lưu Văn Liệt



PHỤ LỤC 2.3

DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC – TUYỂN SINH NĂM 2024  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2	Tổ hợp xét tuyển 3	Tổ hợp xét tuyển 4	Tổng chỉ tiêu dự kiến của các phương thức xét tuyển năm 2024
1	7420101	Sinh học	A02	B00	B08		180
2	7420101_DKD	Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A02	B00	B08		80
3	7420201	Công nghệ Sinh học	A02	B00	B08	D90	200
4	7420201_DKD	Công nghệ Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A02	B00	B08	D90	120
5	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn (dự kiến)	A00	A01	A02	D90	280
6	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	A01	A02	D90	50
7	7440112	Hoá học	A00	B00	D07	D90	220
8	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	B00	D07	D90	120
9	7440122	Khoa học Vật liệu	A00	A01	B00	D07	100
10	7440122_DKD	Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	A01	B00	D07	50
11	7440201_NN	Nhóm ngành Địa chất học, Khoa học quản lý và kinh tế đất đai (dự kiến)	A00	B00	C04	D07	100
12	7440228	Hải dương học	A00	A01	B00	D07	50



STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2	Tổ hợp xét tuyển 3	Tổ hợp xét tuyển 4	Tổng chỉ tiêu dự kiến của các phương thức xét tuyển năm 2024
13	7440301	Khoa học Môi trường	A00	B00	B08	D07	140
14	7440301_DKD	Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	B00	B08	D07	40
15	7460101_NN	Nhóm Ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	A00	A01	B00	D01	250
16	7460108	Khoa học dữ liệu	A00	A01	B08	D07	100
17	7480101_TT	Khoa học máy tính (Chương trình Tiên tiến)	A00	A01	B08	D07	90
18	7480201_DKD	Công nghệ thông tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	A01	B08	D07	480
19	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	A00	A01	B08	D07	450
20	7480107	Trí tuệ nhân tạo	A00	A01	B08	D07	50
21	7510401_DKD	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	B00	D07	D90	120
22	7510402	Công nghệ Vật liệu	A00	A01	B00	D07	100
23	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	B00	B08	D07	120

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2	Tổ hợp xét tuyển 3	Tổ hợp xét tuyển 4	Tổng chỉ tiêu dự kiến của các phương thức xét tuyển năm 2024
24	7520207_NN	Nhóm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thiết kế vi mạch (dự kiến)	A00	A01	D07	D90	200
25	7520207_DKD	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	A00	A01	D07	D90	100
26	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	A00	A01	A02	D90	40
27	7520403	Vật lý Y khoa	A00	A01	A02	D90	60
28	7520501	Kỹ thuật địa chất	A00	A01	B00	D07	20
29	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00	B00	B08	D07	100



**Phụ lục 2.4**  
**NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2024**  
**(khai báo trực tuyến tại địa chỉ: [tuyensinh.vnuhcm.edu.vn](http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn))**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Ảnh**  
**4 x 6**

(đóng dấu giáp  
lai ảnh và đơn  
đăng ký)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC**  
**NĂM 2024**

**1. Họ và tên của thí sinh** (như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....

Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì có số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

**3. Nơi sinh** (xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố)

.....

**4. Số căn cước công dân**

(Ghi mỗi chữ số vào một ô)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Quốc tịch:..... Dân tộc: ..... Tôn Giáo:.....

**5. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT**

Mã tỉnh  
(Tp)

Mã huyện  
(quận)

Mã xã  
(phường)

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng trống phía dưới

Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1:  Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:

**6. Nơi học THPT** (tên trường, xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố và ghi mã tỉnh, mã Quận/Huyện, mã trường)

Năm lớp 10:

- Tên trường:.....

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Xã/phường .....

Mã tỉnh/  
thành  
phố

Mã  
quận/  
huyện

Mã trường

- Huyện/quận: .....

- Tỉnh/thành phố: .....

Năm lớp 11:

- Tên trường:.....

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Xã/phường .....

Mã tỉnh/  
thành  
phố

Mã  
quận/  
huyện

Mã trường

- Huyện/quận: .....

- Tỉnh/thành phố: .....



Năm lớp 12:

- Tên trường:.....

--	--	--	--	--	--	--	--

- Xã/phường .....

Mã tỉnh/  
thành  
phố

Mã  
quận/  
huyện

Mã trường

- Huyện/quận: .....

- Tỉnh/thành phố: .....

(Mục 5, mục 6: thông tin theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2024)

**7. Đối tượng ưu tiên:** Khoanh tròn vào loại đối tượng ưu tiên được hưởng (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07)

--	--

Sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô bên cạnh, nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống

**8. Khu vực ưu tiên:** Thuộc khu vực nào khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

--

Sau đó ghi mã khu vực (1: KV1; 2NT: KV2-NT; 2: KV2; 3: KV3) vào ô trống bên cạnh

**9. Năm tốt nghiệp THPT** (Ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô)

--	--	--	--

**10. Danh hiệu học sinh khá/giỏi** (Giới đánh dấu X)

Lớp 10

--

Lớp 11

--

Lớp 12

--

**11. Đạt hạnh kiểm**

Năm lớp 10	Năm lớp 11	Năm lớp 12

**12. Kết quả học THPT** (điểm trung bình cả năm của các môn học)

Stt	Môn học/các hoạt động giáo dục	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Toán			
2	Vật lí			
3	Hoá học			
4	Sinh học			
5	Tin học			
6	Ngữ văn			
7	Lịch sử			
8	Địa lý			
9	Ngoại ngữ (tiếng Anh)			
10	Ngoại ngữ khác			
11	Giáo dục Công dân			
12	Công nghệ			
13	Giáo dục Quốc phòng An Ninh			
14	<b>Điểm trung bình năm học</b>			

**13. Là thành viên đội tuyển của trường, tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia**

Môn: ..... Năm: .....

**14. Tham gia kỳ thi học sinh giỏi /khoa học kỹ thuật các cấp**

Kỳ thi: ..... Năm: ..... Đạt giải: .....

Cấp tỉnh:  Cấp thành phố:  Cấp Quốc gia: 

Môn thi/lĩnh vực: .....

**15. Đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (TOEFL, IELTS,...)**

Tên chứng chỉ: ..... Tổng điểm: .....

(Nghe: .....; Nói: .....; Đọc: .....; Viết: .....)

Ngày cấp chứng chỉ: .....

**16. Đạt giải kỳ thi học thuật khác**

Tên kỳ thi: ..... Loại giải: .....; Năm đạt giải: .....

**17. Đăng ký nguyện vọng ưu tiên xét tuyển (UTXT)**

Thí sinh được đăng ký không giới hạn số nguyện vọng năm 2024, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

Số thứ tự nguyện vọng	Tên đơn vị	Mã tuyển sinh của đơn vị	Mã ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tên ngành/Nhóm ngành tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển (nếu có)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**18. Địa chỉ báo tin**

.....

.....

.....

.....

.....





Điện thoại (Nếu có): ..... Email: .....

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường  
..... đã khai đúng sự thật.

Ngày ..... tháng ..... năm 2024  
**Chữ ký của thí sinh**

Ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Hiệu trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Lưu ý khi nộp hồ sơ, thí sinh cần nộp kèm:**

1. Bản sao có công chứng học bạ 3 năm trung học phổ thông (hoặc có xác nhận của trường THPT);
2. Giấy chứng nhận của Hiệu trưởng nếu học sinh là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia (nếu có);
3. Bản sao có công chứng các chứng chỉ, chứng nhận thành tích đạt được có liên quan đến cộng đồng ưu tiên (nếu có);
4. Ngoài ra, cần lưu ý số lượng bộ hồ sơ đăng ký UTXT bằng với số lượng cơ sở đào tạo thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức này.

**PHỤ LỤC 2.5**

**TÊN NGÀNH ĐƯỢC XÉT TUYỂN THĂNG - NGÀNH ĐÚNG HOẶC NGÀNH GẦN**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên môn thi trong kỳ thi học sinh giỏi do Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức											
			Toán		Vật lý		Hóa học		Sinh học		Tin học		Địa lý	
			Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần
1	7420101	Sinh học		x		x		x	x					
2	7420101_DKD	Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)		x		x		x	x					
3	7420201	Công nghệ Sinh học		x		x		x	x					
4	7420201_DKD	Công nghệ Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)		x		x		x	x					
5	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn (dự kiến)	x		x			x		x	x			
6	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	x		x			x		x	x			
7	7440112	Hoá học		x		x	x			x		x		



STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên môn thi trong kỳ thi học sinh giỏi do Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức													
			Toán		Vật lý		Hóa học		Sinh học		Tin học		Địa lý			
			Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần		
8	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)		x		x		x				x		x		
9	7440122	Khoa học Vật liệu		x		x		x						x		
10	7440122_DKD	Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)		x		x		x						x		
11	7440201_NN	Nhóm ngành Địa chất học, Khoa học quản lý và kinh tế đất đai (dự kiến)		x										x		x
12	7440228	Hải dương học		x		x				x	x			x		x
13	7440301	Khoa học Môi trường		x				x						x		
14	7440301_DKD	Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)		x				x						x		
15	7460101_NN	Nhóm Ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng	x											x		x
16	7460108	Khoa học dữ liệu	x											x		x



STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên môn thi trong kỳ thi học sinh giỏi do Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức											
			Toán		Vật lý		Hóa học		Sinh học		Tin học		Địa lý	
			Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần	Xét theo ngành đúng	Xét theo ngành gần
23	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường		x		x		x		x			x	
24	7520207_NN	Nhóm ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Thiết kế vi mạch (dự kiến)	x			x							x	
25	7520207_DKD	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	x			x							x	
26	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	x			x				x			x	
27	7520403	Vật lý Y khoa	x			x				x			x	
28	7520501	Kỹ thuật địa chất			x				x				x	x
29	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường				x		x					x	